

Bản án số: **56/2024/HNGĐ-ST**

Ngày : 17-9-2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý**- Thư ký Tòa án N dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Bảo L: Không tham gia phiên tòa
Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án N dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 171/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **Dương Hồng N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(Chị **Trần Thị N** và anh **Dương Hồng N** có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2024 và các lời khai tại Tòa án, N đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn N: Chị **Trần Thị N** và anh **Dương Hồng N** có quen biết tìm hiểu yêu đương một thời gian sau đó cả hai quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2015. Hôn N là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, N N là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay, không ai quan tâm ai, chị **Trần Thị N** không còn yêu thương

anh Dương Hồng N. Do vậy chị Trần Thị N xin được ly hôn với anh Dương Hồng N.

Về con chung: Quá trình chung sống Chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N có 02 người con chung tên là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018. Ly hôn chị Trần Thị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị N không yêu cầu anh Dương Hồng N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Dương Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn N: Anh Dương Hồng N và Chị Trần Thị N quen biết tìm hiểu được một khoảng thời gian sau đó mới quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2015. Hôn N là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, N N là do vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi vã. Hai vợ chồng đã từng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Nay chị Trần Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Dương Hồng N đồng ý được ly hôn với chị Trần Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Dương Hồng N và chị Trần Thị N có 02 con chung là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018. Ly hôn anh Dương Hồng N đồng ý giao cả hai con chung là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018 cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Dương Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Dương Hồng N trình bày anh và chị Trần Thị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Dương Hồng N trình bày anh và chị Trần Thị N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/9/2024 nhưng không được do chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay N đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

N đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Dương Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị N yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với anh Dương Hồng N, có địa chỉ tại xóm 4, thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn N: Cả chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N đều trình bày hai người chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2015. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, N N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau, không liên lạc. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Trần Thị N xin được ly hôn với anh Dương Hồng N và anh Dương Hồng N cũng đồng ý được ly hôn với chị Trần Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Dương Hồng N và chị Trần Thị N có đơn xin vắng mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy hôn N đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014 xử chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N, căn cứ vào giấy khai sinh chị Trần Thị N nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N có 02 người con chung tên là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018. Quá trình vợ chồng sống ly thân chị Trần Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Dương Trần Tuấn K và Dương Trần Tuấn K. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì cả hai cháu Dương Trần Tuấn K và Dương Trần Tuấn K đều phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, bên cạnh đó anh Dương Hồng N đồng ý giao cả hai con chung Dương Trần Tuấn K và Dương Trần Tuấn K cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Trần Thị N có việc làm, có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn N và gia đình năm 2014 tiếp tục giao cả hai con chung là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N không yêu cầu anh Dương Hồng N cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

{3} *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N đối với anh Dương Hồng N về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn N: Xử cho chị Trần Thị N và anh Dương Hồng N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 26/9/2017 và Dương Trần Tuấn K, sinh ngày 11/12/2018 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị N không yêu anh Dương Hồng N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn N và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007099 ngày 04/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: N đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc An, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc An, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L,
tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hà Vi

